TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/KDTM-ST
Ngày: 11/6/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Ẩn;

2. Bà Trần Thị Đúng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2024/TLST–KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 364/2025/QĐST - KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q;

Trụ sở: Tầng 9-26-27-28-29 cao ốc S, 37 Tôn Đức T, phường Bến N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đình Song C;

Địa chỉ: Tầng A cao ốc S, 37 Tôn Đức T, phường Bến N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 539.2024/GUQ-COL ngày 02/8/2024) (Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ;

Địa chỉ: Số 60 đường số A, KDC Bình H, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Thành D, chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1960 (Bà T có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 129 Hoàng Minh Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Đỗ Trung H (Vắng mặt).

Địa chỉ: 235 Cao Xuân D, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024 của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q và quá trình giải quyết vụ án, các bà Nguyễn Đình Song C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/11/2021 Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B211036201 với Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ). Nội dung của Hợp đồng là Công ty C cho Công ty Đ thuê: 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, biển số: 50LD-08131 (sau đây gọi tắt là Tài sản).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty Đ theo Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận các Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị T cùng ký vào ngày 09/11/2021. Theo đó, trường hợp Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị T cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty Đ .

Để thực hiện nội dung của Hợp đồng thuê, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán số B211036201-PC ngày 17/11/2021 để mua 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131 từ Công ty TNHH Một thành viên N và bàn giao cho Công ty Đ thuê lại Tài sản này.

Ngày 19/11/2021, Công ty Đ đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao Tài sản nêu trên.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Trong đó Công ty Đ trả trước 725.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng), số tiền mà Công ty C tài trợ là 2.175.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 48 tháng, kể từ ngày 19/11/2021.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê thì hàng tháng Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm: Một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Đ trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty Đ bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Theo đó, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C 5.52% cộng với biên độ cố định 3.16%, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 8.68%/năm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty Đ thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán.

Do Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 27/6/2024, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và Thông báo thu hồi Tài sản thuê.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với Công ty Đ để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, phía Công ty Đ vẫn chưa thanh toán hết số tiền thuê còn nợ cho Công ty C.

Ngày 10/7/2024, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị T thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký nhưng đến nay ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị T vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty Đ còn nợ Công ty C.

Vì vậy, Công ty C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 1.018.449.831 đồng (Một tỷ không trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng), trong đó:

Nợ gốc là: 906.250.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024 là: 107.619.265 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 28/6/2024 đến 02/8/2024 là: 4.580.566 đồng.

- Ngoài ra, buộc Công ty Đ còn phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 03/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc Công ty Đ phải giao trả Tài sản thuê và xử lý Tài sản thế chấp để Công ty C xử lý, thu hồi nợ.

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Ngày 12/03/2025 Công ty C đã có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là Công ty C không yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ giao trả Tài sản thuê là 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131 cho Công ty C do ngày 07/3/2025 Công ty C đã tiến hành thu hồi lại Tài sản thuê.

Ngày 14/4/2025 sau khi có kết quả xác minh thể hiện rằng Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành D đã chết, Công ty C đã có Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là Công ty C không yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty Đ còn nợ Công ty C theo Thư bảo lãnh cá nhân đã ký.

Đại diện Công ty C – bà Nguyễn Đình Song C gửi cho Tòa án Đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và Bản tự khai xác nhận tính đến ngày 11/6/2025, phía bị đơn

Công ty Đ còn nợ Công ty C số tiền là: 1.077.472.837 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), cụ thể:

Nợ gốc là: 906.250.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024 là: 107.619.265 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 28/6/2024 đến 11/6/2025 là: 63.603.572 đồng.

Công ty C yêu cầu Tòa án ghi nhận sự sửa đổi bổ sung đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C cụ thể như sau:

- Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2025 là: 1.077.472.837 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng);

- Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 11/6/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, Công ty C sẽ tiến hành thanh lý tài sản thuê là: 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131;

- Trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền nợ còn lại;

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Phạm Thị T trình bày tại Bản tự khai như sau: Bà là mẹ ruột của ông Nguyễn Thành D (đã mất), bà T không còn tài sản gì để giải quyết khoản nợ cho Công ty Đ, toàn bộ tài sản đã bị Ngân hàng phát mãi để thanh toán những khoản nợ của ông Nguyễn Thành D, hiện tại bản thân bà T cũng không có nhà để ở, không có tài sản để trả nợ theo như Thư bảo lãnh đã ký, do vậy, khoản nợ của Công ty Đ thì Công ty Đ tự giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Công ty C – bà Nguyễn Đình Song C có yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu là:

- Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2025 là: 1.077.472.837 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng); Trong đó:

Nợ gốc là: 906.250.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024 là: 107.619.265 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 28/6/2024 đến 11/6/2025 là: 63.603.572 đồng.

- Buộc Công ty Đ thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 03/8/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, Công ty C sẽ tiến hành thanh lý tài sản thuê là: 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131;

- Trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền nợ còn lại;

- Trường hợp Công ty Đ không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ, buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn Công ty Đ vắng mặt không có lý do;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Phòng kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh việc người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là ông Nguyễn Thành D chết được giải quyết như thế nào để đảm bảo việc tống đạt các thông báo của Tòa án cho Công ty Đ đúng theo quy định tại Điều 178, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ. Đối với yêu cầu sửa đổi yêu cầu khởi kiện là rút một phần yêu cầu khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty Đ. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Đình Song C và bà Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bị đơn Công ty Đ vắng mặt. Vì vậy, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Công ty C và Công ty Đ được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, ngoài ra, giao dịch giữa Công ty C và Công ty Đ là hoạt động của công ty cho thuê tài chính Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 về hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính để giải quyết vụ án.

[5]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty C buộc bị đơn Công ty Đ thanh toán số nợ gốc là 906.250.000 đồng (Chín trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy*:

Căn cứ vào Hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 09/11/2021 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì đủ cơ sở xác định Công ty C đã cấp tín dụng bằng hình thức cho thuê tài chính là 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131 cho Công ty Đ với giá là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Trong đó, Công ty Đ trả trước 725.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng), số tiền mà Công ty C tài trợ là 2.175.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Hàng tháng Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm: Một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Đ trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản cho thuê. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 48 tháng, kể từ ngày 19/11/2021.

Để đảm bảo cho hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 09/11/2021 thì bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Thành D có ký thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021 đồng ý trả nợ thay cho Công ty Đ khi Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên ngày 27/6/2024 Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và Thông báo thu hồi Tài sản thuê.

Xét, nội dung Hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 19/11/2021 phù hợp với quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của pháp luật về cho thuê tài chính nên có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Đ vắng mặt nhưng căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án xác nhận tính đến ngày 11/6/2025, bị đơn Công ty Đ còn nợ nguyên đơn Công ty C số tiền nợ gốc là 906.250.000 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ thanh toán nhưng Công ty Đ không trả nợ, điều này cho thấy phía Công ty Đ đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính. Ngoài ra, Công ty Đ cũng đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, đến Tòa trình bày ý kiến nhưng Công ty Đ không đến Tòa và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp và căn cứ theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty Đ thanh toán nợ gốc tính đến ngày 11/6/2025 là 906.250.000 đồng (*Chín trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho nguyên đơn Công ty C.

[5.2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty C buộc bị đơn Công ty Đ thanh toán các khoản tiền lãi tính đến ngày 11/6/2025 là: 171.222.837 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024 là: 107.619.265 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 28/6/2024 đến 11/6/2025 là: 63.603.572 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty C, Hội đồng xét xử xét thấy*:

Căn cứ vào Hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 09/11/2021, bảng kê chi tiết tính lãi các khoản phải thu của Công ty Đ thể hiện: Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Theo đó, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C 5.52% cộng với biên độ cố định 3.16%, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 8.68%/năm.

Do bị đơn Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Công ty C đã tính lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024, lãi quá hạn theo điều khoản thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết trong Hợp đồng cho thuê tài chính. Việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Đ phải thanh toán các khoản lãi tính đến ngày 11/6/2025 cho nguyên đơn Công ty C là 171.222.837 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng)

Ngoài ra, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty C về tiền lãi phát sinh từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty C.

[5.3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty C buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021*:

Tại Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021 thể hiện: "Bằng thư này, Bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê, không cần phải khởi kiện hay tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bên thuê cũng như bên bảo lãnh và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh.

Các nghĩa vụ của bên bảo lãnh ghi nhận trong thư bảo lãnh này sẽ là tuyệt đối và vô điều kiện và sẽ liên tục duy trì đầy đủ hiệu lực cũng như ảnh hưởng và sẽ không bị giảm bớt, hạn chế hay chấm dứt vì bất kỳ lý do nào khi mà bên thuê còn nợ bên cho thuê bất kỳ khoản tiền nào như được quy định ở trên và khi không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên cho thuê, thư bảo lãnh này sẽ không bị hủy bỏ bởi bên thuê bằng bất cứ cách nào".

Như vậy nội dung của Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021 đã qui định cụ thể phạm vi bảo lãnh và trách nhiệm bảo lãnh. Nội dung này phù hợp với các Điều 335, 336, 338, 339 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về biện pháp đảm bảo bằng bảo lãnh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.4]. *Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc buộc Công ty Đ giao trả tài sản thuê là 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, biển số: 50LD-08131 và rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021*.

Xét, ngày 07/3/2025 Công ty C đã tiến hành thu hồi Tài sản thuê là 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, biển số: 50LD-08131 nên đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Đ phải bàn giao Tài sản thuê. Ngoài ra, Công ty C cùng rút yêu cầu ông Nguyễn Thành D phải liên đới trả khoản tiền mà Công ty Đ còn nợ Công ty C. Việc Công ty C rút các yêu cầu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh việc người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là ông Nguyễn Thành D đã chết được giải quyết như thế nào để đảm bảo việc tống đạt các thông báo của Tòa án cho Công ty Đ đúng theo quy định tại Điều 178, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Phiếu cung cấp thông tin của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho Tòa án ngày 10/01/2025 thì

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ngày 20/10/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 15/8/2023 thì Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ có 03 (ba) thành viên góp vốn, gồm: Ông Nguyễn Thành D có tỷ lệ vốn góp là 93,340%; Bà Phạm Thị T có tỷ lệ vốn góp là 3,330% và ông Đỗ Trung H có tỷ lệ vốn góp là 3,330%. Ông Nguyễn Thành D là người đại diện theo pháp luật đã chết ngày **07/12/2024** sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày **14/10/2024**, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thành D, bà Phạm Thụ T và ông Đỗ Trung H nhưng ông Nguyễn Thành D và ông Đỗ Trung H vắng mặt không có lý do, bà Phạm Thụ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thành D là đại diện theo pháp luật có tỷ lệ vốn góp là 93,340% đã chết nhưng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ không cử người đại diện theo pháp luật mới. Căn cứ vào khoản 7 Điều 12 của Luật doanh nghiệp quy định: "Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, xét thấy việc cử người đại diện theo pháp luật mới sẽ không đảm bảo quyền lợi cho ông Đỗ Trung H và bà Phạm Thị T nên Tòa án chỉ triệu tập ông Đỗ Trung H và bà Phạm Thị T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Từ những nhận định trên, xét thấy việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh việc người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ là không cần thiết nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh còn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty C được chấp nhận nên bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công ty C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty C được chấp nhận nên bị đơn Công ty Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 335, 336, 338, 339, 342, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/12/2007 về hướng dẫn thu hồi và xử lý tài sản cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q về việc yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ giao trả tài sản thuê là 01 (một) ô tô bơm bê tông, hiệu: Mercedes Benz, số loại: ZLJ5419THB, số khung: WDANHCAA6CL653784 , số máy: 541944C0828130, biển số: 50LD-08131;

[2]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất khoản nợ của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ đối với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/11/2021;

[3]. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q:

3.1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ có trách nhiệm trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2025 là 1.077.472.837 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng) phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 09/11/2021, trong đó: Nợ gốc là: 906.250.000 đồng; Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 28/6/2024 là: 107.619.265 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 28/6/2024 đến 11/6/2025 là: 63.603.572 đồng.

Yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q.

3.2. Buộc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/6/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số: B211036201 ngày 09/11/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3.3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ, thì buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký ngày 09/11/2021.

[4]. Về án phí:

4.1. Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.324.185 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi lăm đồng);

4.2. Hoàn lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.276.748 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042935 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đ có trách nhiệm trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Thông báo nộp tiền chi phí tố tụng số 37/2025/TB-TAHBC ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- CC THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

□□□□□□□□□□□□□□□□□

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Trang